

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình T

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải H

Bà Bùi Thị H

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2026/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2026; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2026/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 03 năm 2026 đối với bị cáo: **Nguyễn Đoàn Minh A** - Sinh năm: 20xx; Giới tính: Nữ; Nơi sinh: tỉnh N; Nơi thường trú: Xóm x, xã Q, tỉnh N; Hiện ở tại: Số x hẻm xx/xx/xx đường P, phường T, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn G – Sinh năm 19xx; Con bà: Vũ Thị V – Sinh năm 19xx; Gia đình có hai chị em, Bị can là thứ nhất.

Danh chỉ bản số 00xx, lập ngày 1x/1x/20xx tại Công an phường G, thành phố Hà Nội. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 11/11/2025. Hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 19/11/2025. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Trịnh Thị M – Sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xxx đường Q, phường Y, thành phố H. (Vắng mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Đoàn Minh A bị Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 2x giờ xx phút ngày 1x/1x/20xx, Tổ công tác của Công an phường G, Thành phố Hà Nội kiểm tra hành chính Khách sạn “G”, địa chỉ 30 đường N, phường

G, Thành phố Hà Nội, phát hiện tại phòng xxx tầng x có một đôi nam nữ là anh T và chị M đang có hành vi mua, bán dâm. H khai không quen biết với M và mua dâm với giá 4.000.000 đồng, gồm 3.500.000 đồng tiền thỏa thuận trước đó và 500.000 đồng tiền H cho thêm M; H được Nguyễn Đoàn Minh A giới thiệu mua dâm với M, H đã chuyển cho A số tiền 500.000 đồng tiền công môi giới. M khai không quen biết với H và bán dâm với giá 4.000.000 đồng. M cũng được Nguyễn Đoàn Minh A giới thiệu bán dâm với số tiền trên và đã chuyển cho A số tiền 500.000 đồng tiền công môi giới; A có số điện thoại 033272xxxx và làm ở số xxx đường L, phường T, Thành phố Hà Nội. Tổ công tác thu giữ tang vật và đưa H và M về trụ sở Công an phường G để làm việc (BL: 40)

Tang vật thu giữ: (BL: 91 – 97)

- *Của Trịnh Thị M (gái bán dâm):*

+ 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A20 màu đen, số IMEI: 3066xxxx.

+ Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

- *Của Tạ Quang H (khách mua dâm):*

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 màu đỏ, có gắn sim số: 086916xxxx.

+ 01(một) bao cao su đã qua sử dụng.

Căn cứ lời khai của Trịnh Thị M và Tạ Quang H, Tổ công tác Công an phường G đã mời Nguyễn Đoàn Minh A về trụ sở Công an phường để làm việc. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Đoàn Minh A khai: Khoảng đầu tháng 11/2025, A quen biết với Trịnh Thị M. Ngày xx/xx/20xx, A có kết bạn Zalo với tài khoản tên “M” của M, M nói với A nếu có ai hỏi A tìm người bán dâm thì giới thiệu cho M và M sẽ trả tiền công môi giới cho A. Đến xx giờ xx phút ngày xx/xx/20xx, Tạ Quang H sử dụng tài khoản Zalo tên “P” gọi cho A hỏi tìm người bán dâm, sau đó A sử dụng tài khoản Zalo tên “A” của mình liên hệ với M. A và M thống nhất, M sẽ bán dâm với giá 3.000.000 đồng/lần và thêm 500.000 đồng tiền đi taxi đến khách sạn. A báo giá lại với Tạ Quang H và được H đồng ý. H có nhắn tin lại với A đã đặt được phòng 601 tầng 6 khách sạn “G” địa chỉ số xx đường N, phường G, Thành phố Hà Nội. A nhắn cho Trịnh Thị M đến gặp H để bán dâm, sau đó A có nhận được số tiền 500.000 đồng tiền công môi giới mại dâm từ số tài khoản 892302xxxx ngân hàng MBBank của M sang số tài khoản; 1000165xxxx ngân hàng TPBank của A. Trước đó H cũng đã chuyển cho A số tiền 500.000 đồng tiền công môi giới cho A từ số tài khoản 002015199xxxx ngân hàng MBBank của H sang số tài khoản; 1000165xxxx ngân hàng TPBank của A. Đến xx giờ xx phút ngày xx/xx/20xx, A đang ở cửa quán Karaoke “M”, địa chỉ số 2xx đường L, phường T, Thành phố Hà Nội thì bị Tổ công tác Công an phường G đến đưa A về trụ sở Công an phường làm việc. Tại cơ quan công an, Nguyễn Đoàn Minh A đã khai nhận hành vi môi giới mại dâm cho H và M

vào ngày 1x/1x/20xx. Tổng số tiền A được hưởng lợi từ việc Môi giới mại dâm là 1.000.000 đồng. A không biết việc H cho M thêm số tiền là 500.000 đồng.

Thu giữ của Nguyễn Đoàn Minh A: 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax màu trắng, có số IMEI: 099xxxx; IMEI2: 086xxxx, có gắn SIM số: 033272xxxx. Cơ quan điều tra đã xác minh, sao kê tài khoản và bản ảnh của Nguyễn Đoàn Minh A, Trịnh Thị M và Tạ Quang H thể hiện H và M đã chuyển khoản tiền công môi giới mại dâm cho A.

Đối với Tạ Quang H đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: “Mua dâm” vi phạm quy định tại Điều 32 Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ. Công an phường G đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, mức phạt: 2.000.000 đồng.

Đối với Trịnh Thị M đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: “Bán dâm” vi phạm quy định tại Điều 33 Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ. Công an phường G đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, mức phạt: 400.000 đồng.

Đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên G chủ cơ sở kinh doanh khách sạn G Hotel địa chỉ số xx đường N, phường G, Thành phố Hà Nội đã xuất trình được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. Mặt khác, chủ cơ sở kinh doanh khách sạn không biết việc Tạ Quang H và Trịnh Thị M thuê phòng nghỉ với mục đích để hoạt động mua, bán dâm. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hà Nội không xử lý.

Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy A20 màu đen, số IMEI: 3066xxxx của Trịnh Thị M và 01 điện thoại di động Iphone 11 màu đỏ, có gắn sim số: 086916xxxx của Tạ Quang H đã qua sử dụng dùng để liên hệ mua, bán dâm. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định xử lý vật chứng: Trao trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ cho Tạ Quang H; Trao trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20 màu đen cho Trịnh Thị M.

Bản Cáo trạng số 2xx/CT-VKS, ngày 2x/0x/20xx, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội đã truy tố Nguyễn Đoàn Minh A về tội “*Môi giới mại dâm*” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đoàn Minh A mức án từ 06 tháng đến 10 tháng tù.

Tịch thu sung công số tiền 4.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu trắng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo. Buộc bị cáo phải truy nộp sung công số tiền 1.000.000 đồng thu lợi bất chính.

Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng.

Miễn áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những căn cứ xác định tội danh:

Khoảng xx giờ xx phút ngày 1x/1x/20xx, Nguyễn Đoàn Minh A đã có hành vi môi giới mại dâm cho Trịnh Thị M đi bán dâm cho Tạ Quang H tại phòng 6xx tầng x Khách sạn G Hotel địa chỉ số xx đường N, phường G, Hà Nội thì bị Tổ công tác Công an phường G kiểm tra hành chính phát hiện H và M đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Số tiền công A môi giới là 1.000.000 đồng. Số tiền Trịnh Thị M bán dâm cho Tạ Quang H là 4.000.000 đồng.

Do đó, bị cáo đã phạm tội “Môi giới mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại tới chính sách phòng chống tệ nạn xã hội, trật tự an toàn xã hội, thuần phong mỹ tục của dân tộc và là tác nhân gây ra nhiều căn bệnh xã hội nguy hiểm. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, đối với bị cáo cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm minh để đảm bảo tính giáo dục đối với bị cáo và làm bài học ngăn ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt tù lẽ ra cần áp dụng hình bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự nhưng xét bị cáo không nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax màu trắng, có số IMEI: 099xxxx; IMEI2: 086xxxx, có gắn SIM số: 033272xxxx đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong. Bị cáo đã dùng điện thoại trên để liên lạc mua bán dâm nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Số tiền 4.000.000đ thu giữ của Trịnh Thị M là tiền mua bán dâm nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo phải truy nộp 1.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đoàn Minh A 06 (Sáu) tháng tù về tội Môi giới mại dâm. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11 tháng 11 năm 2025 đến ngày 19 tháng 11 năm 2025.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công:

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax màu trắng, có số IMEI: 35710491099xxxx; IMEI2: 35710491086xxxx, có gắn 01 sim.

+ Số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Cơ quan điều tra đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng, tên tài khoản: Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. số tài khoản: 863611xxxx mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Buộc bị cáo phải truy nộp 1.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bao cao su đã qua sử dụng.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/01/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố Hà Nội và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Thành phố Hà Nội).

3. Áp dụng Điều 98; khoản 2 Điều 99; Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Đoàn Minh A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trịnh Thị M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người liên quan;
- VKS ND Khu vực 1 – Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình T